

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 24-02-2022.

V/v tranh chấp đất đai .

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y -TỈNH NGHỆ AN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng.
2. Ông Phan Văn Hưng

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Trang –Thư ký, Tòa án nhân dân Huyện Y, tỉnh Nghệ An.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Y, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Y, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2020 về việc “ tranh chấp đất đai ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số; 05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc D, sinh ngày 09/03/1953; nơi cư trú: Xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc D:*

-Anh Nguyễn Tâm K, nơi cư trú: Xóm Đ, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

-Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – luật sư, Văn phòng luật sư Vinh Diện và Cộng sự (có mặt).

*2.Bị đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh ngày 14/11/1960; nơi cư trú: Xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Văn L; nơi cư trú: Xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của ông Trần Văn L ( sinh ngày 01/06/1960): Bà Lê Thị Đ; nghề nghiệp: làm ruộng; nơi cư trú: Xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An là vợ ông Liên.

- Bà Phạm Thị D; nơi cư trú: Xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị C; nơi cư trú: xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Trung đoàn 266, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa ( vắng mặt).

- Chị Phạm Thị Mi; nơi cư trú: Khu phố 5, phường Tân Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị M; nơi cư trú: Xóm Tân Vinh, xã Tân Thành, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị T; nơi cư trú: xóm 15, xã Nghi Liên, TP Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Mi, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị T là anh Nguyễn Tâm K, nơi cư trú: Xóm Đ, Xã ĐT, Huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 03 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc D: Anh Nguyễn Tâm K, bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày.*

Ngày 12/11/2001 gia đình Ông được Ủy ban nhân dân Huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 163, tờ bản đồ số 874, diện tích 5000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp, mục đích sử dụng: trồng rừng sản xuất, vị trí: xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y.

Sau khi được giao đất gia đình Ông đã trồng cây tràm, bạch đàn và một số loại cây khác cho đến nay.

Quá trình sử dụng bà Đàm lấn chiếm dần đất lâm nghiệp của gia đình Ông.

Năm 2017 đo đạc xác định lại ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp thì Ông phát hiện diện tích đất lâm nghiệp của gia đình Ông thiếu mất 1291,4m<sup>2</sup> và chỉ còn 3708,6m<sup>2</sup>, đồng thời Ông biết được bà Lê Thị Đ đã chiếm của gia đình Ông diện tích đất trên.

Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Đàm trả lại diện tích đất trên cho gia đình Ông nhưng bà Đàm không chịu trả lại mà còn có ý định lấn thêm của gia đình Ông.

Do đó Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Đ trả diện tích đất lâm nghiệp đã lấn chiếm của gia đình Ông là 1291,4m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa Ông rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà Lê Thị Đ trả diện tích đất lâm nghiệp đã lấn chiếm của gia đình Ông là 800m<sup>2</sup>.

Theo bản tự khai ngày 30 tháng 03 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Mi, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị T: Anh Nguyễn Tâm K trình bày.

Thông nhất như ý kiến trình bày của ông Phạm Quốc D.

Tại phiên tòa bị đơn và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L: Bà Lê Thị Đ trình bày.

Vợ chồng Bà sử dụng thửa đất ở số 16, diện tích 1650,2m<sup>2</sup>, vị trí tại xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ để lại, diện tích đất thực tế của Bà thừa nhưng Bà không lấn chiếm đất của ông Duyệt nên Bà không trả cho ông Duyệt mà Bà xin Chính quyền được mua lại để tiếp tục sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Y, tỉnh Nghệ An, công bố việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời gian xét xử nên cần phải rút kinh nghiệm.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc D.

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn L trả 800m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp lấn chiếm cho gia đình ông Phạm Quốc D.

Buộc ông Phạm Quốc D bồi thường giá trị tài sản tọa lạc trên 800m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp cho bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đàm, ông Liên vắng mặt phiên họp không có lý do. Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và lập biên bản vắng mặt đương sự.

Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải ( lần 2) và thông báo kết quả phiên họp công

khai chứng cứ cho bà Đàm, ông Liên nhưng bà Đàm, ông Liên vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Về chứng cứ: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; kết quả phiên họp nhưng không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không nộp tài liệu, chứng cứ gì, không yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

Về nội dung:

[2] Năm 1964 bố mẹ ông Duyệt và bố mẹ ông Liên di dân lên xóm Hồng Sơn, Xã ĐT để xây dựng vùng kinh tế mới theo chủ trương của Nhà nước và hai gia đình được cấp đất ở liền kề nhau, phía trước (phía nam) là đường liên xã, phía sau (phía bắc) là đồi, núi.

Sau khi bố mẹ ông Duyệt chết, bố mẹ ông Liên chết thì giao lại đất ở cho vợ chồng ông Duyệt bà Dung, vợ chồng ông Liên bà Đàm sử dụng cho đến nay.

[3] Năm 2001 gia đình ông Phạm Quốc D được Ủy ban nhân dân Huyện Y cấp 5000 m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp lô số 163, tiểu khu 874c, loại rừng 1a, mục đích để trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 28/01/1999, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đồi núi trọc; vị trí: đồi Hòn Bàu, xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y.

Thửa đất lâm nghiệp có tứ cận như sau: phía đông giáp đất lâm nghiệp của bà Lê Thị Việt, phía bắc giáp đất lâm nghiệp của ông Nguyễn Văn Hà, phía tây giáp đường xóm, phía Nam giáp đất ở của ông Trần Văn L, bà Lê Thị Đ và đất ở của ông Phạm Quốc D.

Quá trình sử dụng đất Lâm nghiệp ông Phạm Quốc D không xây dựng mốc giới giữa thửa đất lâm nghiệp của Ông và đất ở của bà Đàm, ông Liên.

[4] Năm 2017 ông Phạm Quốc D thuê Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Y đo đạc xác định diện tích đất lâm nghiệp thực tế sử dụng của ông Duyệt thì đất lâm nghiệp có diện tích là 3708,6m<sup>2</sup>. Căn cứ diện tích đất lâm nghiệp được cấp cho ông Phạm Quốc D trong lâm bạ là 5.000m<sup>2</sup> thì diện tích đất lâm nghiệp của ông Phạm Quốc D thiếu là 1291,4m<sup>2</sup>. Theo ông Duyệt diện tích đất lâm nghiệp của Ông thiếu 1291,4m<sup>2</sup> là do bà Lê Thị Đ lấn chiếm.

Do đó ông Phạm Quốc D yêu cầu bà Lê Thị Đ trả lại 1291,4m<sup>2</sup> diện tích đất lâm nghiệp lấn chiếm cho Ông.

Tại phiên tòa ông Phạm Quốc D công nhận ranh giới giữa thửa đất lâm nghiệp của Ông và thửa đất ở của ông Trần Văn L, bà Lê Thị Đ là đường gấp khúc, xác định bởi các điểm NMLKH (1,2,3,4,5) như hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 16 và yêu cầu bà Đàm trả lại 800m<sup>2</sup> diện tích đất lâm nghiệp lấn chiếm cho Ông.

[5] Tại phiên tòa bà Lê Thị Đ thừa nhận vợ chồng Bà sử dụng thửa đất ở số 16, diện tích 1650,2m<sup>2</sup>, vị trí tại xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y. Nguồn gốc

thừa đất do bố mẹ để lại, diện tích đất thực tế của Bà thừa nhưng Bà không trả cho ông Duyệt mà Bà xin Chính quyền được mua lại để tiếp tục sử dụng.

**[6] Hội đồng xét xử, xét thấy :**

Theo bản đồ 299 và sổ địa chính UBND Xã ĐT thì ông Liên, bà Đàm có diện tích đất ở, đất TCLN là 885m<sup>2</sup> ( nằm không liền kề với đất lâm nghiệp đồi Hòn Bàu) tại xóm 5 ( nay xóm Hồng Sơn) Xã ĐT, Huyện Y.

Ngày 04/11/2010 Ủy ban nhân dân Xã ĐT cùng ông Duyệt, bà Dung, bà Đàm kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và đã thống nhất ranh giới, mốc giới giữa thửa đất ở của ông Liên, bà Đàm và thửa đất lâm nghiệp, đất ở hộ ông Duyệt, bà Dung. Các bên đã ký vào biên bản mô tả ranh giới, mốc giới, đã được Ủy ban nhân dân Xã ĐT xác nhận.

Ngày 30/08/ 2011 Ủy ban nhân dân Xã ĐT tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất ở thửa số 16, tờ bản đồ số 46 của ông Liên, bà Đàm theo mốc giới các bên đã xác nhận để lập hồ sơ kỹ thuật đất. Thì thửa đất được xác định bởi ranh giới là đường 123456789,10,11; có diện tích 1650,2 m<sup>2</sup> và kích thước: phía đông giáp thửa đất số 31 (RSX) dài 10,64m và giáp thửa đất ở số 27 của hộ ông Phạm Quốc D dài 37,48 m, phía nam dài 12,92m giáp đường liên xã, phía tây dài 54,56m giáp thửa đất 991 ( nay đường xóm), phía tây dài giáp thửa đất số 991 (LNK) dài 22,82m và thửa đất số 31 (RSX) dài 29,15m.

Phần diện tích đất ở thực tế của bà Đàm, ông Liên vượt so với bản đồ 299 là 1650,2m<sup>2</sup> – 885m<sup>2</sup> = 765,2m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân Xã ĐT vào sổ phương án thu thuế hàng năm.

Như vậy ranh giới giữa thửa đất ở của ông Liên, bà Đàm và thửa đất lâm nghiệp của hộ ông Duyệt đã được xác định là đường gấp khúc, tạo bởi các điểm 1,2,3,4,5 có chiều dài là 51,97m.

**[7] Theo biên bản thẩm định tài sản tại chỗ:**

Thửa đất lâm nghiệp số 190 của hộ ông Phạm Quốc D có diện tích thực tế 2727m<sup>2</sup>, được xác định bởi các điểm ABCEFGTIJ.

Thửa đất ở số 16 của ông Trần Văn L có diện tích thực tế 2.450,2m<sup>2</sup>.

Diện tích đất tranh chấp là 995m<sup>2</sup>, được xác định bởi các điểm ITGHN.

Đường ranh giới xác định theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 16 của ông Trần Văn L, bà Lê Thị Đ là đường gấp khúc, xác định bởi các điểm NMLKH (1,2,3,4,5).

Căn cứ vào đường ranh giới NMLKH: Bà Đàm, ông Liên sử dụng đất ở không đúng ranh giới, lấn chiếm sang đất lâm nghiệp của hộ ông Duyệt là (NMLKH GTI) diện tích 800m<sup>2</sup>.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 16, tờ bản đồ số 46, diện tích đất ở của ông Liên, bà Đàm là 1650,2 m<sup>2</sup>. Diện tích đất ở thực tế của ông Liên, bà Đàm thừa 800m<sup>2</sup>.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 163 (nay 190), diện tích đất lâm nghiệp của ông Phạm Quốc D là 5000 m<sup>2</sup>. Diện tích đất lâm nghiệp thực tế của hộ ông Duyệt thiếu 2.273m<sup>2</sup>.

Ông Trần Văn L và bà Lê Thị Đ không được cấp Quyền sử dụng đất lâm nghiệp nhưng qua thẩm định tài sản tại chỗ, hiện nay ông Liên, bà Đàm có sử dụng một phần đất lâm nghiệp (đất đồi, núi) hiện nay đang tranh chấp.

Từ những căn cứ trên đủ cơ sở xác định ông Liên, bà Đàm lấn chiếm đất lâm nghiệp của hộ ông Duyệt với diện tích 800m<sup>2</sup>. Cần buộc ông Liên, bà Đàm trả 800m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp lấn chiếm cho hộ ông Duyệt.

[8] Về bồi thường tài sản: Cây tràm, bạch đàn trên diện tích 800m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp, có giá trị là 25.000.000 đồng/hécta x 800m<sup>2</sup> = 2.000.000 đồng; cây thị có giá trị 300.000 đồng; 200 cây tre có giá trị 1.000.000 đồng. Nay giao toàn bộ cây toa lạc trên đất lâm nghiệp diện tích 800m<sup>2</sup> cho hộ ông Duyệt sở hữu. Ông Duyệt tự nguyện chịu toàn bộ tiền bồi thường tiền cây cho bà Đàm, ông Liên là 3.300.000 đồng và không yêu cầu bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Mi, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị T phải chịu.

Ông Nguyễn Tâm K là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Mi, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị T nhất trí ông Duyệt chịu số tiền trên.

Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông Duyệt. Buộc ông Duyệt bồi thường tài sản cho ông Liên, bà Đàm là 3.300.000 đồng.

[9] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông Duyệt được chấp nhận nên ông Duyệt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Duyệt.

Quyền sử dụng đất lâm nghiệp tranh chấp có giá trị 800m<sup>2</sup> x 5.500 đồng/m<sup>2</sup> = 4.400.000 đồng nên bà Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Lê Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Đ.

Ông Phạm Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại tài sản là 300.000 đồng.

Ông Phạm Quốc D là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Phạm Quốc D.

[10] Về chi phí tố tụng:

Ông Duyệt đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.000.000 đồng và chi phí đo đạc 3.515.000 đồng. Tổng là 8.515.000,00 đồng. Tòa án đã chi số tiền trên cho các thanh viên tham gia.

Tại phiên tòa ông Duyệt tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do vậy bà Đàm không phải hoàn trả cho ông Duyệt tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông Duyệt đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 203, 166, 170, khoản 1 Điều 179 của luật đất đai; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 147 ; Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc D.

1. Buộc bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn L trả 800 ( tám trăm) m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp lấn chiếm (có kích thước: cạnh phía bắc là đường gấp khúc ITG giáp thửa đất lâm nghiệp số 163 của ông Duyệt, dài 63,6m; cạnh phía nam là đường gấp khúc HKLMN giáp thửa đất ở số 16 của ông Liên, dài 51,97m; cạnh phía đông là đường thẳng GH giáp thửa đất ở số 27 của ông Duyệt, dài 19,31m; cạnh phía tây là đường thẳng NI giáp đường xóm, dài 7,54m) tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 46, vị trí: xóm Hồng Sơn, Xã ĐT, Huyện Y và giao tài sản ( cây) tọa lạc trên đất cho ông Phạm Quốc D và bà Phạm Thị D, chị Phạm Thị C, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Mi, chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị T sở hữu, sử dụng.

2. Buộc ông Phạm Quốc D bồi thường cho bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn L 3.300.000 (Ba triệu, ba trăm nghìn) đồng, tiền giá trị cây trồng trên diện tích đất lâm nghiệp 800m<sup>2</sup>.

Ông Trần Văn L, ông Phạm Quốc D có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

3.Án phí:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Đ là 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Phạm Quốc D là 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng.

Ông Phạm Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp đất đai và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000347 ngày 09 tháng 03 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Y, tỉnh Nghệ An.

4. Thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ( đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKS ND huyện Yên Thành;
- Chi cục THA DS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu kết quả;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

( Đã ký )

**Phan Xuân Thọ**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội Thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Dũng   Phan Văn Hưng**

**Phan Xuân Thọ**







